

Câu 1: Tập hợp nhiều tế bào cùng loại và cùng thực hiện một chức năng nhất định tạo thành :

- A. Cơ quan B. Cơ thể C. Mô D. Hệ cơ quan

Câu 2: Đặc điểm của sinh vật thuộc giới khởi sinh là :

- A. Là những có thể có cấu tạo đa bào B. Tế bào cơ thể có nhân thực
C. Chưa có cấu tạo tế bào D. Tế bào cơ thể có nhân sơ

Câu 3: Đường mía (saccarotơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi

- A. hai phân tử fructozơ. B. một phân tử glucơ và một phân tử galactozơ.
C. hai phân tử glucơ. D. một phân tử glucơ và một phân tử fructozơ.

Câu 4: Chức năng của ARN vận chuyển là :

- A. Vận chuyển các nguyên liệu để tổng hợp các bào quan B. Vận chuyển protein
C. Chuyên chở các chất bài tiết của tế bào D. Vận chuyển axit amin đến ribôxôm

Câu 5: Đặc điểm cấu tạo của phân tử ADN là :

- A. Có ba mạch pôlinuclêôtit B. Có một hay nhiều mạch pôlinuclêôtit
C. Có một mạch pôlinuclêôtit D. Có hai mạch pôlinuclêôtit

Câu 6: Lipit là chất có đặc tính

- A. Tan rất ít trong nước B. Có ái lực rất mạnh với nước
C. Tan nhiều trong nước D. Không tan trong nước

Câu 7: Giới nào dưới đây gồm những loài vi khuẩn là những sinh vật nhân sơ bé nhỏ

- A. Giới nấm B. Giới thực vật C. Giới nguyên sinh D. Giới khởi sinh

Câu 8: Thuật ngữ dùng để chỉ tất cả các loại đường là

- A. đường đôi. B. tinh bột. C. xenlulôzơ. D. cacbohidrat

Câu 9: Động vật kiểu dinh dưỡng hoặc lối sống nào sau đây ?

- A. Luôn hoại sinh B. Luôn ký sinh C. Tự dưỡng D. Dị dưỡng

Câu 10: Tính đa dạng và đặc thù của ADN được quy định bởi

- A. số vòng xoắn.
B. tỷ lệ $A + T / G + X$.
C. chiều xoắn kép của 2 mạch của ADN.
D. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các Nuclêôtit.

Câu 11: Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:

- A. O, P, C, N. B. H, O, N, P. C. C, H, O, P. D. C, H, O, N.

Câu 12: Đơn phân của prôtêin là

- A. nuclêôtit. B. axit béo. C. glucôzơ. D. axit amin.

Câu 13: Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa 1 phân tử

- A. ADN dạng vòng. B. tARN dạng vòng. C. mARN dạng vòng. D. rARN dạng vòng.

Câu 14: Chức năng chính của mỡ là

- A. dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể.
B. thành phần cấu tạo nên một số loại hoocmôn.
C. thành phần chính cấu tạo nên màng sinh chất.
D. thành phần cấu tạo nên các bào quan.

Câu 15: Trong phân tử prôtêin, các axit amin đã liên kết với nhau bằng liên kết

- A. peptit. B. hydro. C. ion. D. cộng hoá trị.

Câu 16: Ôxi và Hidrô trong phân tử nước kết hợp với nhau bằng các liên kết

- A. cộng hoá trị B. hiđrô. C. tĩnh điện. D. este

Câu 35: Cacbohidrat gồm các loại

- A. đường đôi
- B. đường đơn, đường đôi, đường đa
- C. đường đa
- D. đường đơn

Câu 36: Những giới sinh vật thuộc nhóm sinh vật nhân thực là

- A. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật
- B. Giới nguyên sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật
- C. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật
- D. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật

Câu 37: Chức năng của ADN là

- A. truyền thông tin tới riboxôm.
- B. vận chuyển axit amin tới riboxôm.
- C. cấu tạo nên riboxôm là nơi tổng hợp protein.
- D. Mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền

Câu 38: Ngành giun tròn thuộc giới nào dưới đây?

- A. Giới nguyên sinh
- B. Giới thực vật
- C. Giới khởi sinh
- D. Giới động vật

Câu 39: ADN là thuật ngữ viết tắt của

- A. axit nucleotit.
- B. axit nucleic.
- C. axit ribonucleic.
- D. axit đêoxiribonucleic.

Câu 40: Giới khởi sinh gồm

- A. nấm và vi khuẩn.
- B. virus và vi khuẩn lam.
- C. tảo và vi khuẩn lam.
- D. vi khuẩn và vi khuẩn lam.

Câu 41: Các nguyên tố hoá học chiếm lượng lớn trong khối lượng khô của cơ thể được gọi là :

- A. Các hợp chất hữu cơ
- B. Các hợp chất vô cơ
- C. Các nguyên tố vi lượng
- D. Các nguyên tố đại lượng

Câu 42: Thành phần hóa học chủ yếu của Ribôxôm là

- A. Glicôprôtêin
- B. AND và histon
- C. Phôtholipit
- D. ARN và protein

Câu 43: ARN là thuật ngữ viết tắt của

- A. axit nucleotit.
- B. axit đêoxiribonucleic.
- C. axit nucleic.
- D. axit ribonucleic.

Câu 44: Loại ARN được dùng là khuôn để tổng hợp prôtêin là

- A. tARN.
- B. rARN.
- C. mARN và tARN
- D. mARN.

Câu 45: Thế giới sinh vật được phân loại thành các nhóm theo trình tự lớn dần là

- A. loài - bộ - họ - chi - lớp - ngành - giới.
- B. giới - ngành - lớp - bộ - họ - chi - loài.
- C. loài - chi - bộ - họ - lớp - ngành - giới.
- D. loài - chi - họ - bộ - lớp - ngành - giới.

Câu 46: Tác giả của hệ thống 5 giới sinh vật được nhiều nhà khoa học ủng hộ và hiện nay vẫn được sử dụng là

- A. Lovenhuc.
- B. Hacken.
- C. Linnê.
- D. Oaitayko và Magulis.

Câu 47: Hai chuỗi pôlinuclêôtit của ADN liên kết với nhau bởi liên kết

- A. peptit.
- B. ion.
- C. cộng hoá trị.
- D. hydro.

Câu 48: Bào quan có mặt ở tế bào nhân sơ là

- A. Ti thể.
- B. Lục lạp.
- C. Bộ máy Gôngi.
- D. Ribôxôm.

Câu 49: Địa y là sinh vật thuộc giới

- A. khởi sinh.
- B. thực vật.
- C. nấm.
- D. nguyên sinh.

Câu 50: Những đặc điểm nào sau đây có ở tất cả các loại vi khuẩn:

- 1. có kích thước bé.
 - 2. cấu trúc đơn giản.
 - 3. kích thước lớn.
 - 4. đã có nhân chính thức.
 - 5. sinh sản rất nhanh.
- Câu trả lời đúng là:

- A. 1,4,5
- B. 1,2,4
- C. 1,2,5
- D. 1,3,5

Câu 51: Trong các nguyên tố sau, nguyên tố chiếm hàm lượng nhỏ nhất trong cơ thể người là

- A. Cacbon
- B. Nito
- C. Photpho
- D. Hidro

Câu 52: Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây ?

A. Các bào quan có màng bao bọc

B. Nhân hoàn chỉnh

C. Vùng nhân chưa có màng bao bọc

D. Hệ thống nội màng

Câu 53: Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt ngành động vật có xương sống với động vật không xương sống là:

A. cơ thể đối xứng 2 bên và có bộ xương trong.

B. cơ thể đối xứng 2 bên và có bộ xương ngoài.

C. có bộ xương trong và cột sống.

D. có bộ xương trong và bộ xương ngoài.

Câu 54: Hãy điền vào chỗ trống các cấp tổ chức sống thích hợp : Nhiều cá thể cùng loài sống trong vùng địa lý nhất định tạo nên..... Nhiều quần thể thuộc các loài khác nhau sống trong vùng địa lý nhất định tạo nên.....

A. Quần xã, quần thể

B. Quần thể, quần xã

C. Quần thể, cá thể

D. Cá thể, quần xã

Câu 55: Tổ chức sống nào sau đây có cấp thấp nhất so với các tổ chức còn lại ?

A. Quần xã

B. Cơ thể.

C. Hệ sinh thái

D. Quần thể.

Câu 56: Các nguyên tố C, H, O được coi là nguyên tố sinh học phổ biến vì

A. Không kết hợp với nhau và với nhiều nguyên tố khác

B. Chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong cơ thể sống

C. Cấu tạo nên mọi vật chất sống

D. Có tính chất phù hợp với thế giới sống

Câu 57: Các loài sinh vật mặc dù rất khác nhau nhưng chúng vẫn có những đặc điểm chung là vì:

A. Chúng đều được cấu tạo từ tế bào.

B. Chúng đều có chung một tổ tiên.

C. Chúng sống trong những môi trường khác nhau.

D. Chúng sống trong những môi trường giống nhau.

Câu 58: Điều nào sau đây không phải là chức năng của lưới nội chất trơn?

A. Tổng hợp các loại lipid

B. Tổng hợp các loại protein

C. Chuyển hóa đường

D. Tham gia phân giải các chất độc hại đối với cơ thể

Câu 59: Giới nguyên sinh bao gồm

A. vi sinh vật, tảo, nấm, động vật nguyên sinh .

B. tảo, nấm nhày, động vật nguyên sinh.

C. vi sinh vật, động vật nguyên sinh.

D. tảo, nấm, động vật nguyên sinh.

Câu 60: Sự sống được tiếp diễn liên tục là nhờ

A. khả năng cảm ứng đặc biệt của sinh vật.

B. sự truyền thông tin trên ADN từ tế bào này sang tế bào khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

C. khả năng tiến hoá thích nghi với môi trường sống.

D. khả năng tự điều chỉnh cân bằng nội môi.

Câu 61: Trong các thành phần sau đây, thành phần nào không có trong cấu trúc của một vi khuẩn ?

A. Màng sinh chất

B. Ti thể

C. Thành tế bào

D. Riboxom

Câu 62: Nước có vai trò quan trọng đặc biệt với sự sống vì

A. chúng có tính phân cực.

B. chiếm thành phần chủ yếu trong mọi tế bào và cơ thể sống.

C. cấu tạo từ 2 nguyên tố chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ thể sống .

D. có thể tồn tại ở nhiều dạng vật chất khác nhau.

Câu 63: Nước có tính phân cực do

A. electron của hiđrô yếu.

B. 2 đầu có tích điện trái dấu.

C. các liên kết hiđrô luôn bền vững

D. cấu tạo từ oxi và hiđrô.

Câu 64: Các tiêu chí cơ bản của hệ thống 5 giới bao gồm

A. khả năng di chuyển, cấu tạo cơ thể, kiểu dinh dưỡng .

B. loại tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, kiểu dinh dưỡng.

C. trình tự các nuclêotit, mức độ tổ chức cơ thể.

D. cấu tạo tế bào, khả năng vận động, mức độ tổ chức cơ thể.

Câu 65: Các cấp tổ chức của thế giới sống đều là những hệ mở vì

A. có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống.

B. phát triển và tiến hoá không ngừng

C. có khả năng thích nghi với môi trường.

D. thường xuyên trao đổi chất với môi trường.

Câu 66: Giới động vật gồm những sinh vật

A. đa bào, nhân thực, dị dưỡng, một số không có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

B. đa bào, một số tập đoàn đơn bào, nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

C. đa bào, một số đơn bào, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

D. đa bào, nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

Câu 67: Ngành thực vật đa dạng và tiến hoá nhất là ngành

A. Hạt trần

B. Rêu.

C. Quyết.

D. Hạt kín

Câu 68: Có bao nhiêu nhận định đúng về đặc điểm chung các cấp tổ chức thế giới sống?

1. tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. 2. là hệ thống mở tự điều chỉnh

3. liên tục tiến hóa 4. tổ chức không theo nguyên tắc thứ bậc

A. 1

B. 4

C. 2

D. 3

Câu 69: Các thành phần không bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ

A. màng sinh chất, thành tế bào, vỏ nhày, vùng nhân.

B. vùng nhân, tế bào chất, màng sinh chất, roi.

C. vùng nhân, tế bào chất, roi, lông.

D. vỏ nhày, thành tế bào, roi, lông.

Câu 70: Các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống bao gồm

1. quần xã 2. quần thể 3. cơ thể 4. hệ sinh thái 5. tế bào:

Các cấp tổ chức đó theo trình tự từ nhỏ đến lớn là...

A. 5->2->3->1->4.

B. 5->2->3->4->1.

C. 5->3->2->4->1.

D. 5->3->2->1->4.

Câu 71: Nấm nhầy thuộc giới

A. nấm.

B. thực vật.

C. khởi sinh.

D. nguyên sinh.

Câu 72: Giới thực vật gồm những sinh vật

A. đa bào, một số loại đơn bào, nhân thực, tự dưỡng, một số dị dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.

B. đa bào, nhân thực, tự dưỡng, một số dị dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.

C. đa bào, nhân thực, phần lớn tự dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.

D. đa bào, nhân thực, tự dưỡng, có khả năng phản ứng chậm

Câu 73: Tổ chức sống nào sau đây là bào quan ?

A. Tim

B. Não bộ

C. Phổi

D. Ribôxôm

Câu 74: Chức năng không có ở protein là

A. Điều hòa quá trình trao đổi chất

B. Cấu trúc

C. Xúc tác quá trình trao đổi chất

D. Truyền đạt thông tin di truyền

Câu 75: Các cấu trúc :

1. nhân; 2. lưới nội chất; 3. bào quan có màng bao bọc; 4. khung tế bào; 5. thành tế bào; 6. riboxom;

7. vùng nhân; 8. nhung mao; 9. roi; 10. bộ máy Gôn gi; 11. hạch nhân.

Cấu trúc nào có ở tất cả các loài vi khuẩn?

A. 5,10,11

B. 1,3,11

C. 1,2,3,11

D. 5,6,7

Câu 76: Trong cơ thể sống các chất có đặc tính chung kị nước như

A. Vitamin, sterôit, glucôzơ, cacbohidrát.

B. Mỡ, xenlulôzơ, photpholipit, tinh bột.

C. sắc tố, vitamin, sterôit, photpholipit, mỡ. D. tinh bột, glucôzơ, mỡ, fructôzơ.

Câu 77: Trình tự sắp xếp đặc thù của các axit amin trong chuỗi pôlipeptit tạo nên prôtêin có cấu trúc

A. Bậc 4. B. Bậc 2. C. Bậc 1. D. Bậc 3.

Câu 78: Nước là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

A. nhiệt dung riêng cao. B. lực gắn kết. C. tính phân cực. D. nhiệt bay hơi cao.

Câu 79: Điểm giống nhau của prôtêin bậc 1, prôtêin bậc 2 và prôtêin bậc 3 là :

A. Chỉ có cấu trúc 1 chuỗi pôlipeptit B. Chuỗi pôlipeptit xoắn lò xo hay gấp lại
C. Chuỗi pôlipeptit xoắn cuộn tạo dạng khối cầu D. Chuỗi pôlipeptit ở dạng mạch thẳng

Câu 80: Tế bào vi khuẩn có kích thước nhỏ giúp chúng

A. trao đổi chất với môi trường nhanh, tế bào sinh trưởng nhanh, sinh sản nhanh, phân bố rộng.
B. xâm nhập dễ dàng vào tế bào vật chủ.
C. tiêu tốn ít thức ăn.
D. tránh được sự tiêu diệt của kẻ thù vì khó phát hiện.

Câu 81: Loại bazơ nitơ nào sau đây chỉ có trong ARN mà không có trong ADN?

A. Uraxin B. Guanin C. Xitôzin D. Adênin

Câu 82: Con người thuộc giới..... (I) là những sinh vật..... (II), có lối sống..... (III)

Số (I), (II), (III) là :

A. Giới động vật, đa bào, dị dưỡng
B. Giới nguyên sinh, đa bào, tự dưỡng hoặc dị dưỡng
C. Giới động vật, đơn bào, dị dưỡng
D. Giới động vật, đa bào, tự dưỡng

Câu 83: Hệ thống các nhóm mô được sắp xếp để thực hiện một loại chức năng nhất định tạo nên và nhiều tạo thành hệ Từ đúng để điền vào chỗ trống của câu trên là:

A. Cơ quan B. Cơ thể C. Bào quan D. Tế bào

Câu 84: Tập hợp các sinh vật sống ở rừng Quốc gia Cúc Phương được gọi là

A. quần xã sinh vật . B. cá thể sinh vật. C. quần thể sinh vật. D. cá thể và quần thể.

Câu 85: Một số loại vi khuẩn gây bệnh ở người, bên ngoài thành tế bào còn có lớp vỏ nhầy giúp nó

A. dễ di chuyển. B. Sinh sản nhanh.
C. dễ thực hiện trao đổi chất. D. ít bị các tế bào bạch cầu tiêu diệt.

Câu 86: Những con rùa ở hồ Hoàn Kiếm được gọi là

A. cá thể và quần thể. B. quần xã và hệ sinh thái.
C. cá thể sinh vật. D. quần thể sinh vật.

Câu 87: Nguyên tố nào dưới đây là nguyên tố đại lượng ?

A. Đồng B. Mangan C. Kẽm D. Photpho

Câu 88: Động vật nguyên sinh thuộc giới(I) là những sinh vật..... (II), có lối sống(III).

Số(I),(II), (III) là :

A. Nguyên sinh, đa bào, tự dưỡng hoặc dị dưỡng
B. Động vật, đa bào, dị dưỡng
C. Động vật, đơn bào, tự dưỡng hoặc dị dưỡng
D. Nguyên sinh, đơn bào, tự dưỡng hoặc dị dưỡng

Câu 89: Nước đá có đặc điểm

A. các liên kết hydro luôn bị bẻ gãy và tái tạo liên tục.
B. không tồn tại các liên kết hydro.
C. các liên kết hydro luôn bị bẻ gãy nhưng không được tái tạo.
D. các liên kết hydro luôn bền vững và tạo nên cấu trúc mạng.

Câu 90: Động vật có vai trò nào sau đây ?

- A. Tự tổng hợp chất hữu cơ cung cấp cho hệ sinh thái
- B. làm giảm lượng CO₂ trong không khí
- C. Làm tăng lượng ô xy của không khí
- D. Cung cấp thực phẩm cho con người

Câu 91: Kiểu dinh dưỡng tự dưỡng có ở :

- A. Thực vật, nấm
- B. Động vật, nấm
- C. Động vật, tảo
- D. Thực vật, tảo

Câu 92: Nguyên tố nào sau đây là nguyên tố vi lượng ?

- A. Cacbon
- B. Oxi
- C. Hidro
- D. Molipden

Câu 93: Kí hiệu của các loại ARN thông tin, ARN vận chuyển, ARN ribôxôm lần lượt là :

- A. rARN, tARN và mARN
- B. mARN, rARN và tARN
- C. tARN, rARN và mARN
- D. mARN, tARN và Rarn

Câu 94: Loại phân tử có số lượng lớn nhất trên màng sinh chất là

- A. cacbohidrat.
- B. colesteron.
- C. protein.
- D. photpholipit.

Câu 95: Các nguyên tố vi lượng thường cần một lượng rất nhỏ đối với thực vật vì

- A. chúng đóng vai trò thứ yếu đối với thực vật.
- B. chúng chỉ cần cho thực vật ở một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định
- C. phần lớn chúng đã có trong các hợp chất của thực vật.
- D. chức năng chính của chúng là hoạt hoá các enzym.

Câu 96: Nếu bón quá nhiều phân cho cây sẽ làm cho cây

- A. chậm phát triển.
- B. không thể phát triển được
- C. phát triển mạnh, dễ bị nhiễm bệnh.
- D. héo, chết.

Câu 97: Nhờ có chứa... (I) nên thực vật có khả năng tự tổng hợp...(II) từ chất vô cơ thông qua hấp thụ...(III)

Số (I),(II), (III) là :

- A. Chất kitin, chất hữu cơ, năng lượng mặt trời.
- B. Chất diệp lục, CO₂, năng lượng mặt trời.
- C. Chất hữu cơ, chất diệp lục, năng lượng mặt trời.
- D. Chất diệp lục, chất hữu cơ, năng lượng mặt trời.

Câu 98: Khi nhuộm bằng thuốc nhuộm Gram, vi khuẩn Gram âm có màu

- A. Đỏ
- B. vàng.
- C. xanh.
- D. nâu..

Câu 99: Trong tế bào sống có:

1. màng sinh chất 2. tế bào chất 3. nhân hoặc vùng nhân 4. ti thể 5. lục lạp

Thành phần chung của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực là

- A. 1, 2, 3
- B. 1, 3, 5
- C. 3, 4, 5
- D. 2, 3, 4

Câu 100: Đường kính của nhân tế bào vào khoảng

- A. 5 µm
- B. 5 m
- C. 5 cm
- D. 5 mm

Câu 101: Thiếu nguyên tố vi lượng nào sau đây sẽ dẫn đến bệnh bướu cổ

- A. Iôt
- B. Na
- C. Mg
- D. Cl

Câu 102: Khi tìm kiếm sự sống ở các hành tinh khác trong vũ trụ, các nhà khoa học trước hết tìm kiếm xem ở đó có nước hay không vì

A. nước chiếm thành phần chủ yếu trong mọi tế bào và cơ thể sống, giúp tế bào tiến hành chuyển hoá vật chất và duy trì sự sống.

B. nước là môi trường của các phản ứng sinh hoá trong tế bào.

C. nước là dung môi hoà tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào.

D. nước được cấu tạo từ các nguyên tố đa lượng.

Câu 103: Phân tử Prôtein có thể bị biến tính bởi

- A. Nhiệt độ cao
- B. Sự có mặt của khí CO₂
- C. Sự có mặt của khí O₂
- D. Liên kết phân cực của các phân tử nước

Câu 104: Cơ thể người gồm những cấp độ tổ chức nào dưới đây

- A. Tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan
B. Tế bào, cơ quan, hệ cơ quan, quần thể
C. Tế bào, mô, cơ quan, quần thể
D. Tế bào, quần thể, quần xã, mô

Câu 105: Địa y là tổ chức cộng sinh giữa nấm với sinh vật nào sau đây ?

- A. Động vật nguyên sinh
B. Nấm nhầy
C. Tảo hoặc vi khuẩn lam
D. Vi khuẩn lam hoặc động vật nguyên sinh

Câu 106: Trong cơ thể người, tế bào có lưới nội chất hạt phát triển mạnh nhất là

- A. Tế bào hồng cầu. B. Tế bào biểu bì. C. Tế bào bạch cầu. D. Tế bào cơ.

Câu 107: Sự vận chuyển chất dinh dưỡng sau quá trình tiêu hoá qua lòng ruột vào máu ở người theo cách nào sau đây ?

- A. Vận chuyển thụ động
B. Vận chuyển tích cực
C. Vận chuyển thụ động và vận chuyển chủ động
D. Vận chuyển khuếch tán

Câu 108: Trong cơ thể người trưởng thành ước tính có khoảng bao nhiêu tế bào?

- A. 7.10^{13} B. 8.10^{13} C. 6.10^{13} D. 9.10^{13}

Câu 109: Các tế bào sau trong cơ thể người, tế bào có nhiều ti thể nhất là

- A. hồng cầu. B. biểu bì. C. cơ tim. D. xương.

Câu 110: Sắp xếp nào sau đây đúng theo thứ tự tiến hoá từ thấp đến cao của các ngành thực vật:

- A. Hạt trần, hạt kín, rêu, quyết
B. Rêu, hạt kín, quyết, hạt trần
C. Rêu, quyết, hạt trần, hạt kín
D. Quyết, rêu, hạt trần, hạt kín

Câu 111: Nguồn năng lượng nào sau đây trực tiếp cung cấp cho quá trình vận chuyển chất chủ động trong cơ thể sống?

- A. ADP B. AMP C. ATP D. ADN

Câu 112: Trong giới động vật, ngành có mức độ tiến hoá nhất là:

- A. Chân khớp B. Thân mềm C. Có xương sống D. Giun dẹp

Câu 113: Nguyên tố hoá học nào sau đây có trong Prôtêin nhưng không có trong lipit và đường :

- A. Natri B. Phot pho C. Nito D. Canxi

Câu 114: Cho biết : con la (là con của lừa và ngựa) thường bất thụ (không có khả năng sinh con). Nhận định nào dưới đây là đúng:

- A. Lừa và ngựa thuộc cùng một loài B. Ngựa và la thuộc cùng một loài
C. Lừa và la thuộc cùng một loài D. Lừa và ngựa thuộc hai loài khác nhau

Câu 115: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về vai trò của động vật ?

- A. Nhiều loài cung cấp thực phẩm cho con người
B. Góp phần tạo ra sự cân bằng sinh thái
C. Nhiều loài có thể là tác nhân truyền bệnh cho con người
D. Khi tăng số lượng đều gây hại cho cây trồng

Câu 116: Các tế bào sau trong cơ thể người, tế bào có nhiều lizôxôm nhất là tế bào

- A. hồng cầu. B. cơ. C. thần kinh. D. bạch cầu.

Câu 117: Khi nhuộm bằng thuốc nhuộm Gram, vi khuẩn Gram dương có màu

- A. xanh. B. vàng. C. đỏ. D. tím.

Câu 118: Các thành phần không bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ

- A. vùng nhân, tế bào chất, roi, lông.
B. vùng nhân, tế bào chất, màng sinh chất, roi.
C. màng sinh chất, thành tế bào, vỏ nhày, vùng nhân.
D. vỏ nhày, thành tế bào, roi, lông.

Câu 119: Câu có nội dung đúng trong các câu sau đây là :

- A. Các loại ARN đều có chứa 4 loại đơn phân là A,T,G,X
B. tARN là kí hiệu của phân tử ARN thông tin

C. ARN vận chuyển là thành phần cấu tạo của ribôxôm

D. Trong các ARN không có chứa bazơ nitơ loại Timin

Câu 120: Một nhà khoa học đã tiến hành phá hủy nhân của tế bào trứng ếch thuộc loài A, sau đó lấy nhân của tế bào sinh dưỡng của loài B cấy vào. Sau nhiều lần thí nghiệm, ông đã nhận được các con ếch từ các tế bào đã được chuyển nhân. Theo em, các con ếch con này có đặc điểm của loài nào?

A. Loài A

B. Không loài nào cả

C. Loài A và B

D. Loài B

Câu 121: Tỷ lệ của nguyên tố các bon (C) có trong cơ thể người là khoảng

A. 9,5%

B. 1,5%

C. 65%

D. 18,5%

Câu 122: Câu có nội dung sai trong các câu sau đây là :

A. Trong tế bào có 2 loại axit nuclêic là ADN và ARN

B. ADN gồm 2 mạch còn ARN chỉ có 1 mạch

C. ADN và ARN đều là các đại phân tử

D. Kích thước phân tử của ARN lớn hơn ADN

----- **HẾT** -----

Câu	Dáp an	Câu	Dáp an	Câu	Dáp an	Câu	Dáp an	Câu	Dáp an
1	C	26	B	51	C	76	C	101	A
2	D	27	B	52	C	77	C	102	A
3	D	28	B	53	C	78	C	103	A
4	D	29	B	54	B	79	A	104	A
5	D	30	B	55	B	80	A	105	C
6	D	31	B	56	B	81	A	106	C
7	D	32	B	57	B	82	A	107	C
8	D	33	B	58	B	83	A	108	C
9	D	34	B	59	B	84	A	109	C
10	D	35	B	60	B	85	D	110	C
11	D	36	B	61	B	86	D	111	C
12	D	37	D	62	B	87	D	112	C
13	A	38	D	63	B	88	D	113	C
14	A	39	D	64	B	89	D	114	D
15	A	40	D	65	D	90	D	115	D
16	A	41	D	66	D	91	D	116	D
17	A	42	D	67	D	92	D	117	D
18	A	43	D	68	D	93	D	118	D
19	A	44	D	69	D	94	D	119	D
20	A	45	D	70	D	95	D	120	D
21	A	46	D	71	D	96	D	121	D
22	A	47	D	72	D	97	D	122	D
23	A	48	D	73	D	98	A		
24	B	49	C	74	D	99	A		
25	B	50	C	75	D	100	A		